

Bản án số: 40/2023/DS - PT
Ngày 11 - 5 - 2023
“*Tranh chấp chia tài sản chung
và chia thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Tạ Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Nguyễn Hữu N, sinh năm 1929; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn Trung Nguyên, xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, Vĩnh Phúc (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, Vĩnh Phúc (có mặt).

- Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, Vĩnh Phúc(vắng mặt) .

- Chị Nguyễn Thị Diệu L1, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, Vĩnh Phúc (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt) .

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc(vắng mặt) .

4. Người kháng cáo: Bà Tạ Thị T, chị Nguyễn Thị Diệu L1

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 01 năm 2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cụ Nguyễn Hữu N kết hôn với cụ Nguyễn Thị L3, sinh được 04 người con là: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1956; ông Nguyễn Hồng H1, sinh năm 1959 (đã chết năm 2010 có vợ là bà Tạ Thị T và 02 người con là Nguyễn Quang V, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Diệu L1, sinh năm 1992); ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1963; bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966.

Diện tích 518,2m² đất ao tại thửa số 299, tờ bản đồ 20 thôn Đông Nam, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc thuộc quyền sử dụng của cụ Nguyễn Hữu N và cụ Nguyễn Thị L3 từ năm 1955. Ông L không có công sức tạo lập đối với đất.

Năm 1996, cụ L3 chết. Trước khi chết, cụ L3 và ông H1 không để lại di chúc. Diện tích 518,2m² đất ao vẫn do cụ N sử dụng. Bà T luôn ngăn cản cụ N sử dụng, thực hiện các giao dịch về đất.

Nay ông L đề nghị Tòa án giải quyết chia diện tích 518,2m² đất ao tại thửa số 299, tờ bản đồ 20 thôn Đông Nam, xã Tam Hồng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Nguyễn Hữu N làm 2 phần để trả cụ Nguyễn Hữu N ½; ½ diện tích đất còn lại là di sản của cụ Nguyễn Thị L3 đề nghị chia theo quy định của pháp luật. Phần di sản ông L được nhận, ông để cụ N sử dụng. Cụ N không phải thanh toán chênh lệch cho ông.

Bị đơn bà Tạ Thị T trình bày:

Nhất trí với nguyên đơn về mối quan hệ, nguồn gốc đất. Bà kết hôn với ông Nguyễn Hồng H1 (đã chết năm 2010) sinh được 02 con là Nguyễn Quang V, Nguyễn Thị Diệu L1. Bà xác định, trước khi chết, cụ L3 và ông H1 không để lại di chúc và cũng không có công sức tạo lập đối với đất.

Nay, ông L đề nghị Tòa án giải quyết chia diện tích 518,2m² đất ao tại thửa số 299, tờ bản đồ 20 thôn Đông Nam, xã Tam Hồng đứng tên cụ Nguyễn Hữu N làm 2 phần để trả cụ N 1/2; 1/2 diện tích đất còn lại là di sản của cụ Nguyễn Thị L3 chia theo quy định của pháp luật. Bà đồng ý và đề nghị phần ông H1 được nhận thừa kế (ông H1 chết thì bà T, chị L1, anh V, cụ N được thừa kế), bà chị L1, anh V nhận bằng hiện vật. Bà xin sử dụng toàn bộ diện tích đất của cụ N và phần diện tích đất là di sản của cụ L3 và thanh toán cho cụ N, ông L, bà T1, bà D tổng cộng số tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm bà T đề nghị được sử dụng toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp và thanh toán cho cụ N, ông L, bà T1, bà D tổng cộng 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Không đề nghị Tòa án giải quyết về diện tích đất cụ N hiến tặng làm đường giao thông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Cụ Nguyễn Hữu N trình bày: Năm 1950 cụ kết hôn với cụ Nguyễn Thị L3 thì bố mẹ cụ L3 là cụ Nguyễn Văn Lịch và cụ Lê Thị Tần đã chết. Cụ N không biết các cụ Tần, Lịch chết thời gian nào. Quá trình chung sống, cụ N và cụ L3 sinh được 04 người con như ông L trình bày.

Năm 1955, gia đình cụ có 04 khẩu gồm cụ, cụ L3 và bố mẹ cụ là cụ Nguyễn Hữu An, cụ Phạm Thị Tương được Nhà nước giao sử dụng 01 sào 12 thước đất ao tại thôn M (nay là thôn Đ) xã T, huyện Y, được Ủy ban hành chính tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất số 612, tờ thứ 1, địa bạ số 612 ngày 17/10/1955 đứng tên Nguyễn Hữu N.

Năm 1962, cụ A chết; năm 1979 cụ T chết; năm 1996 cụ L3 chết. Trước khi chết, các cụ không để lại di chúc. Diện tích đất ao tại xã T, huyện Y do cụ N sử dụng.

Năm 2020, cụ chuyển nhượng diện tích đất ao trên cho vợ chồng ông bà Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị M. Khi vợ chồng ông L2 đến sử dụng đất thì bà T ngăn cản. Cuối năm 2021, bà T, chị L1 tự ý đổ đất, trồng một số cây giống. Cụ và gia đình ngăn cản, không cho bà T, chị L1 làm nhưng bà T vẫn tiếp tục trồng cây, xây tường bao loan, đặt cây hương trên đất. Nay cụ đề nghị Tòa án chia tài sản chung và di sản thừa kế cho cụ cùng các đồng thừa kế theo quan điểm của ông L. Phần tài sản của cụ, phần di sản của cụ L3 mà cụ được hưởng, phần di

sản cụ được thừa kế của ông H1, phần di sản bà T1, bà D, ông L được thừa kế của cụ L3 tặng cho cụ, cụ đề nghị nhận bằng hiện vật. Cụ từ chối yêu cầu độc lập và không đề nghị Tòa án giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ với vợ chồng ông L2, bà M.

Anh Nguyễn Quang V, chị Nguyễn Thị Diệu L1 thống nhất trình bày: Nhất trí quan điểm của bà T. Chị L1 và anh V không có công sức tạo lập đối với đất. Tuy nhiên chị L1 đã cùng bà T xây dựng tường bao loan, làm hàng rào sắt B40, trồng một số cây giống, đặt 02 cây hương trên đất. Nay phần di sản của cụ L3 mà anh V, chị L1 được thừa kế của ông H1 thì chị L1, anh V để bà T sử dụng. Bà T không phải thanh toán chênh lệch, anh chị từ chối yêu cầu độc lập.

Bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị T1 thống nhất trình bày: Các bà nhất trí với cụ N và ông L về mối quan hệ, nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp. Các bà không có công sức tạo lập đối với đất. Bà D, bà T1 đề nghị giải quyết theo quan điểm của ông L và cụ N, phần di sản của cụ L3 mà các bà được thừa kế, các bà tặng cho cụ N. Cụ N không phải thanh toán chênh lệch cho các bà, các bà từ chối yêu cầu độc lập.

Ông Nguyễn Văn L2, bà Nguyễn Thị M thống nhất trình bày: Ngày 10.9.2020, ông bà và cụ N đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 518,2m² đất ao tại thửa số 299, tờ bản đồ 20 thôn Đông Nam, xã Tam Hồng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Nguyễn Hữu N với giá 621.600.000đ (sáu trăm hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). Sau đó ký hợp đồng bổ sung hợp đồng chuyển nhượng tăng giá đất thành 721.600.000đ (bảy trăm hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). Việc ký kết được lập thành văn bản. Ông bà đã đưa tiền cho cụ N, cụ N đã giao đất cho ông bà. Sau khi ông bà đến sử dụng đất thì bà T đến ngăn cản nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông bà và cụ N không được thực hiện. Nay ông Nguyễn Hồng L khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế đối với diện tích đất ông bà và cụ N đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quan điểm của ông L và cụ N. Ông bà từ chối tham gia tố tụng, từ chối yêu cầu độc lập; không yêu cầu giải quyết việc chuyển nhượng đất giữa ông bà với cụ N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS – ST ngày 09/9/2022 của TAND huyện Yên Lạc đã quyết định: Căn cứ Điều 115, 611, 612, 623, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 168, 203 Luật đất đai; Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng L.

- Chia cho cụ Nguyễn Hữu N được quyền sử dụng 459,2m² đất (ký hiệu 123478) tại thửa số 299, tờ bản đồ 20 thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tổng giá trị 27.552.000đ (hai mươi bảy triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng) (có sơ đồ kèm theo).

- Chia cho bà Tạ Thị T được quyền sử dụng 50m² đất (ký hiệu 5678) tại thửa số 299, tờ bản đồ 20 thôn Đông Nam, xã T, huyện Y, Vĩnh Phúc. Tổng giá trị 3.000.000đ (ba triệu đồng) (có sơ đồ kèm theo).

Bà Tạ Thị T không phải thanh toán chênh lệch cho cụ Nguyễn Hữu N đối với phần chia di sản được hưởng.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 bà Tạ Thị T và chị Nguyễn Thị Diệu L1 kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giao cho bà T sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và xem xét công sức tôn tạo đồ đất.

Ngày 06/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định kháng nghị số 1527/QĐKNPT - VKS - DS đối với bản án sơ thẩm. Nội dung bản án sơ thẩm vi phạm trong việc không giải quyết hết yêu cầu khởi kiện với lý do bản án nhân định không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc thanh toán công san lấp, xây dựng công trình trên đất, không buộc tháo dỡ tài sản khi chia đất cho đương sự. Đề nghị hủy án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Tạ Thị T. Hủy bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết theo thủ tục chung. Án phí và chi phí tố tụng các đương sự phải chịu theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo và kháng nghị trong hạn luật định hợp lệ được chấp nhận. Bà Tạ Thị T là người kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Do vậy căn cứ

khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Tạ Thị T.

[2]. Về nội dung:

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ xác định:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: diện tích đất 518,2m² tại thửa số 299, tờ bản đồ 20 thôn Đ, xã T, huyện Y là đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản (trước đây là 01 sào 12 thước tương đương 648m² đã được Ủy ban hành chính tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất số 612, tờ thứ 1, địa bạ số 612 đứng tên cụ Nguyễn Hữu N). Toàn bộ diện tích đất do cụ N và vợ là cụ Nguyễn Thị L3 quản lý và sử dụng.

Năm 1996, cụ L3 chết không để lại di chúc. Năm 2021, cụ N làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi kiểm tra hiện trạng, bản đồ VN-2000 thể hiện đất cụ N đang sử dụng diện tích 518,2m², Ủy ban nhân dân huyện Yên Lạc đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 443182 ngày 09/4/2021 mục đích sử dụng để nuôi trồng thủy sản tại thửa số 299, tờ bản đồ 20. Tuy nhiên sau đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ N đã bị hủy do cấp sai đối tượng.

Về yêu cầu khởi kiện: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án. Ông Nguyễn Hồng L là con trai cụ N có đơn khởi kiện với hai nội dung là đề nghị chia tài sản chung của cụ N và cụ L3 đồng thời đề nghị chia thừa kế của cụ L3 theo pháp luật cho các đồng thừa kế bao gồm: Cụ N và các con là ông L, bà D, bà T1 và vợ, con của ông H1 là bà T, chị L1, anh V. Trong vụ án cụ Nguyễn Hữu N không có yêu cầu độc lập về chia tài sản chung. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu của ông L về chia tài sản chung của cụ N và cụ L3 là không đúng. Ông L không có quyền khởi kiện chia tài sản chung của hai cụ mà chỉ có quyền yêu cầu chia thừa kế đối với phần tài sản của cụ L3.

Về di sản thừa kế: Cần xác định diện tích đất tại thửa số 299, tờ bản đồ 20 thôn Đông Nam, xã T, huyện Y là tài sản của cụ Nguyễn Hữu N và cụ Nguyễn Thị L3. Đo đạc thực tế diện tích sử dụng là 509,2m². Lý do thiếu do đo đạc không chính xác nên xác định tài sản chung của hai cụ là $509,2\text{m}^2 : 2 = 254,6\text{m}^2$. Tài sản của mỗi cụ có 254,6m². Về nguyên tắc phân di sản thừa kế của cụ L3 sẽ được chia cho cụ N và các con mỗi người một phần là $254,6\text{m}^2 : 5 \text{ người} = 50,92\text{m}^2$. Bà T và các con được hưởng một suất thừa kế của ông H1 là 50,92m². Tuy nhiên sau khi chia thừa kế của cụ L3 Tòa án cấp sơ thẩm lại chia thừa kế của ông H1 trong khi không ai có yêu cầu chia phần ông H1 được hưởng và xác định chia cho bà T được hưởng 38,19 m² là không đúng. Quá trình xét xử cụ N

nhất trí để bà T sử dụng diện tích nhiều hơn phần bà T, chị L1, anh V được thừa kế (nhưng không quá 15m²) nên cấp sơ thẩm chia cho bà T 50 m²; cụ N 459,2 m² nhưng vẫn thiếu của bà T 0,92m².

Về tài sản trên đất: Đất tranh chấp là đất nuôi trồng thủy sản nên bà T, chị L1 tự ý san lấp đất, trồng cây giống, xây tường bao loan trên đất đã bị UBND xã Tam Hồng lập biên bản yêu cầu tháo dỡ công trình nhưng bà T, chị L1 không chấp hành. Sau khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 21/4/2022 thì bà T, chị L1 tiếp tục đặt cây hương, trồng thêm cây giống là trái với quy định. Bà T yêu cầu thanh toán chi phí cho bà trong việc san lấp đất, trồng cây giống, xây tường bao loan, đặt cây hương cần được xem xét xác minh làm rõ nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc vi phạm của gia đình bà T, chưa xác minh việc xử lý của địa phương như thế nào đối với vi phạm và kiến nghị xử lý vi phạm là thiếu sót.

Về nội dung kháng nghị cho rằng Bản án không giải quyết hết yêu cầu khởi kiện vì: Bản án đã nhận định không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc thanh toán công san lấp đất, xây dựng công trình, trồng cây trên đất là phù hợp nhưng không quyết định về việc giải quyết tài sản trên đất. Không xác minh thẩm định làm rõ vị trí, khối lượng đất bà T, chị L1 đã đổ, san lấp vào thửa đất là thiếu sót. Trên đất có một đoạn tường rào dài 15,95m; cao 2,2m; rộng 0,12m; 01 đoạn rào thép B40 và cây cối do bà T trồng, bản án tuyên giao đất cho cụ N nhưng không buộc phá dỡ, di dời tài sản. Nội dung kháng nghị như trên là có căn cứ cần chấp nhận.

Từ những phân tích như trên nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều sai sót về tố tụng và nội dung cấp phúc thẩm không thể khắc phục được vì vậy cần hủy án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Nội dung như đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Diệu L1 sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[3]. Về án phí: Bà T, chị L1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310;, khoản 2 Điều 312 Bộ luật

tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo của bà Tạ Thị T đối với bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí và các chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị Diệu L1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chị Nguyễn Thị Diệu L1 được hoàn trả lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 0001391 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các chi phí tố tụng khác sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thuý Mai